

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU**

Số: 9798/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Cửu, ngày 20 tháng 12 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch Đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2023**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định 3438/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-STC ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về mục tiêu, giải pháp thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội - quốc phòng an ninh của huyện Vĩnh Cửu năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước - chi ngân sách địa phương huyện Vĩnh Cửu năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân huyện về Kế hoạch đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 327/TTr-TCKH ngày 20/12/2022 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch Đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2023,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Giao chỉ tiêu Kế hoạch Đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn vốn khác do huyện quản lý năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã và thị trấn Vĩnh An như sau:



|                                                       |                            |
|-------------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>I. Nguồn vốn bố trí KH đầu tư công năm 2023:</b>   | <b>355.712 triệu đồng.</b> |
| 1. Nguồn vốn ngân sách tập trung:                     | 159.457 triệu đồng.        |
| 2. Nguồn xổ số kiến thiết:                            | 81.055 triệu đồng.         |
| + <i>Nguồn vốn xổ số kiến thiết:</i>                  | <i>61.055 triệu đồng.</i>  |
| + <i>Hỗ trợ có mục tiêu nguồn XSKT:</i>               | <i>20.000 triệu đồng.</i>  |
| 3. Nguồn thu tiền sử dụng đất (Nguồn kết dư):         | 115.200 triệu đồng.        |
| <b>II. Phân bổ nguồn vốn đầu tư công năm 2023 :</b>   | <b>355.712 triệu đồng.</b> |
| <b>A. Nguồn vốn ngân sách tập trung:</b>              | <b>159.457 triệu đồng.</b> |
| 1. Dự án chuyển tiếp:                                 | 20.584 triệu đồng.         |
| 2. Dự án khởi công mới:                               | 66.955 triệu đồng.         |
| 3. Dự án chuẩn bị đầu tư:                             | 450 triệu đồng;            |
| 4. Dự án dự kiến chuẩn bị đầu tư, KCM (chưa phân bổ): | 71.468 triệu đồng.         |
| <b>B. Nguồn vốn xổ số kiến thiết:</b>                 | <b>81.055 triệu đồng.</b>  |
| <b>B.1 Nguồn vốn xổ số kiến thiết:</b>                | <b>61.055 triệu đồng.</b>  |
| 1. Dự án chuyển tiếp:                                 | 20.113 triệu đồng.         |
| 2. Dự án khởi công mới:                               | 12.845 triệu đồng.         |
| 3. Dự án chuẩn bị đầu tư:                             | 200 triệu đồng;            |
| 4. Dự án dự kiến chuẩn bị đầu tư, KCM (chưa phân bổ): | 27.897 triệu đồng.         |
| <b>B.2 Hỗ trợ có mục tiêu nguồn XSKT:</b>             | <b>20.000 triệu đồng.</b>  |
| Dự án khởi công mới:                                  | 20.000 triệu đồng          |
| <b>C. Nguồn thu tiền sử dụng đất (Nguồn kết dư):</b>  | <b>115.200 triệu đồng.</b> |
| 1. Dự án khởi công mới:                               | 10.000 triệu đồng.         |
| 2. Dự án dự kiến chuẩn bị đầu tư, KCM (chưa phân bổ): | 105.200 triệu đồng.        |

**( Đính kèm biểu chi tiết)**

Đối với các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư năm 2023 sẽ phân bổ vốn chi tiết cho từng dự án khi đủ điều kiện và thủ tục pháp lý theo quy định.

Riêng nguồn thu tiền sử dụng đất, trong năm 2023 ngân sách huyện được giữ lại theo tỉ lệ điều tiết 60% tương ứng là 115.200 triệu đồng. Nguồn này chưa giao đầu năm, dự kiến khi có số thu thực nộp vào ngân sách nhà nước, UBND huyện trình HĐND bố trí cho các dự án đầu tư theo quy định.

**Điều 2:** Thủ trưởng các phòng, Ban, cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện; Chủ tịch UBND các xã, TT Vĩnh An được giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng Chương trình, Kế hoạch và giải pháp tổ chức, điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo đúng quy định.

Ủy Quyền Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện cấp kinh phí cho các đơn vị triển khai và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo quy định.



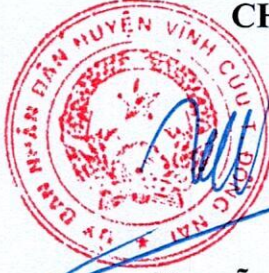
**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

**Điều 4:** Các Ông (bà) Chánh văn phòng HĐND&UBND, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước Vĩnh Cửu, Trưởng Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn Vĩnh An và các đơn vị được UBND huyện giao nhiệm vụ làm Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.//

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4 (để thực hiện);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Kế hoạch & Đầu tư (b/c);
- Sở Tài Chính (b/c);
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- Ban KT-XH, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- C, PVP.HĐND&UBND huyện;
- Phòng Tài chính- KH;
- Phòng Văn hóa TT-TT;
- Lưu VT-CVKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quang Phương**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGUỒN VỐN KHÁC DO HUYỆN  
QUẢN LÝ NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: ~~9798~~ **9798** QĐ-UBND ngày ~~20~~ **20** tháng ~~12~~ **12** năm 2022 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

Đơn vị tính : triệu đồng

| Số TT      | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                              | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án |                          | Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2022 | Nhu cầu vốn 2023 | Kế hoạch năm 2023 | Chủ đầu tư | Ghi chú  |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------|------------|----------|
|            |                                                                                                    |                   |                     | Số, ngày, tháng, năm   | Tổng mức đầu tư kế hoạch |                                   |                  |                   |            |          |
| 1          | 2                                                                                                  | 3                 | 4                   | 7                      | 8                        | 9                                 | 10               | 11                | 12         | 13       |
|            | <b>PHẦN 1: VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023</b>                                                            |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | <b>355.712</b>    |            |          |
| <b>A</b>   | <b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>                                                               |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | <b>159.457</b>    |            |          |
| <b>B</b>   | <b>NGUỒN VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT</b>                                                                  |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | <b>81.055</b>     |            |          |
| <b>C</b>   | <b>NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Nguồn kết dư)</b>                                                   |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | <b>115.200</b>    |            |          |
|            |                                                                                                    |                   |                     |                        |                          |                                   |                  |                   |            |          |
|            | <b>PHẦN 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023</b>                                                       |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | <b>355.712</b>    |            |          |
| <b>A</b>   | <b>NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG</b>                                                               |                   |                     |                        |                          | <b>31.436</b>                     | <b>154.159</b>   | <b>159.457</b>    | -          | -        |
| <b>I</b>   | <b>Dự án chuyển tiếp</b>                                                                           |                   |                     |                        |                          | <b>31.436</b>                     | <b>35.121</b>    | <b>20.584</b>     | -          | -        |
| <b>1</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                       |                   |                     |                        |                          | <b>30.524</b>                     | <b>33.753</b>    | <b>19.216</b>     | -          | -        |
| <b>1.1</b> | <b>Chi lĩnh vực giao thông</b>                                                                     |                   |                     |                        |                          | <b>12.800</b>                     | <b>29.940</b>    | <b>15.403</b>     | <b>0</b>   | <b>0</b> |
|            | Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTX đến giáp đường ĐT 762) | TT Vĩnh An        | 2021-2023           | 10174 ngày 08/10/2021  | 14.011                   | 8.500                             | 5.044            | 5.044             | Ban QLDA   |          |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                      | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án |                          |        | Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2022 | Nhu cầu vốn 2023 | Kế hoạch năm 2023 | Chủ đầu tư     | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|--------|-----------------------------------|------------------|-------------------|----------------|---------|
|       |                                                                            |                   |                     | Số, ngày, tháng, năm   | Tổng mức đầu tư kế hoạch |        |                                   |                  |                   |                |         |
|       | Đường Khu tái định cư ấp Bình Chánh                                        | Xã Tân An         | 2022-2024           | 2595, 22/06/2022       | 5.722                    | 3.000  | 2.470                             | 2.470            | 2.470             | Ban QLDA       |         |
|       | Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5                                 | TT Vĩnh An        | 2022-2024           | 2405, 09/06/2022       | 5.352                    | 300    | 4.889                             | 4.889            | 4.889             | Ban QLDA       |         |
|       | Cầu và đường dẫn Bình Lục - Tân Triều, xã Tân Bình ( CP BT GPMB, CBDT...)  | Xã Tân Bình       | 2022-2024           | 626, 26/02/2021        | 21.215                   | 1.000  | 17.537                            | 17.537           | 3.000             | Ban QLDA       |         |
| 1.2   | Chi lĩnh vực Giao thông (thực hiện theo hình thức XHH)                     |                   |                     |                        |                          | 2.318  | 460                               | 460              | 460               |                | -       |
|       | Đường Kênh N1 ( đoạn còn lại) xã Tân An                                    | Xã Tân An         | 2021-2023           | 2692, 28/06/2022       | 4.914                    | 1.848  | 335                               | 335              | 335               | UBND xã Tân An |         |
|       | Đường tổ 3, ấp 3 xã Phú Lý                                                 | Xã Phú Lý         | 2021-2023           | 2016, 17/05/2022       | 631                      | 470    | 125                               | 125              | 125               | UBND xã Phú Lý |         |
| 1.3   | Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch                            |                   |                     |                        |                          | 1.890  | 2.000                             | 2.000            | 2.000             |                | -       |
|       | Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị Trấn Vĩnh An | TT Vĩnh An        | 2022-2023           | 361 ngày 07/02/2022    | 3.890                    | 1.890  | 2.000                             | 2.000            | 2.000             | Phòng KT- HT   |         |
| 1.4   | Chi lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch                                     |                   |                     |                        |                          | 13.516 | 1.353                             | 1.353            | 1.353             |                | -       |
|       | Trạm bơm và đường ống cấp nước thô đến nhà máy nước sạch xã Phú Lý         | xã Phú Lý         | 2021-2023           | 10166 ngày 08/10/2021  | 14.979                   | 13.516 | 1.353                             | 1.353            | 1.353             | Ban QLDA       |         |
| 2     | Chi lĩnh vực QLNN                                                          |                   |                     |                        | 2.488                    | 912    | 1.368                             | 1.368            | 1.368             |                |         |
|       | Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn Huyện ủy                                         | TT Vĩnh An        | 2022-2025           | 8405, 20/09/2022       | 2.488                    | 912    | 1.368                             | 1.368            | 1.368             | VP Huyện ủy    |         |
| II    | Dự án khởi công mới                                                        |                   |                     |                        |                          | -      | 119.038                           | 66.955           | 66.955            |                |         |
| 1     | Chi lĩnh vực Thể dục thể thao                                              |                   |                     |                        |                          | -      | 8.893                             | 8.893            | 8.893             |                |         |
|       | Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An;                       | Xã Tân An         | 2023-2025           | 9502, 28/11/202        | 6.169                    |        | 5.679                             | 5.679            | 5.679             | Ban QLDA       |         |
|       | Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An;                             | Xã Tân An         | 2023-2025           | 9574, 30/11/2022       | 3.246                    |        | 3.214                             | 3.214            | 3.214             | Ban QLDA       |         |
| 2     | Chi hoạt động kinh tế                                                      |                   |                     |                        |                          |        | 80.337                            | 31.047           | 31.047            | -              |         |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                       | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án |                          | Lấy kê vốn đã giao đến 31/12/2022 | Nhu cầu vốn 2023 | Kế hoạch năm 2023 | Chủ đầu tư        | Ghi chú |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|
|       |                                                                                             |                   |                     | Số, ngày, tháng, năm   | Tổng mức đầu tư kế hoạch |                                   |                  |                   |                   |         |
| 2.1   | <b>Chi lĩnh vực Kiến thiết thị chính</b>                                                    |                   |                     |                        |                          | -                                 | 9.856            | 9.856             |                   |         |
|       | Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 7                                                       | Địa bàn huyện     | 2023-2025           | 9709, 13/12/2022       | 4.047                    |                                   | 3.854            | 3.854             | Phòng KT-HT       |         |
|       | Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 9                                                       | Địa bàn huyện     | 2023-2025           | 9708, 13/12/2022       | 5.001                    |                                   | 4.809            | 4.809             | Phòng KT-HT       |         |
|       | Hệ thống chiếu sáng đường trục 16, giai đoạn 2                                              | Xã Thạnh Phú      | 2023-2025           | 9493, 28/11/2022       | 1.252                    |                                   | 1.193            | 1.193             | Ban QLDA          |         |
| 2.2   | <b>Chi lĩnh vực giao thông</b>                                                              |                   |                     |                        |                          | -                                 | 70.481           | 21.191            |                   |         |
|       | Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 2 (đoạn còn lại) (CP Bt GPMB, CBĐT...) | TT Vĩnh An        | 2023-2025           | 9710, 13/12/2022       | 52.525                   |                                   | 44.877           | 10.000            | Ban QLDA          |         |
|       | <b>Chi lĩnh vực Giao thông (thực hiện theo hình thức XHH)</b>                               |                   |                     |                        |                          | -                                 | 25.604           | 11.191            |                   |         |
|       | Đường tổ 10, ấp 4, xã Phú Lý;                                                               | Xã Phú Lý         | 2023-2025           | 9492, 28/11/2022       | 1.841                    |                                   | 827              | 827               | UBND xã Phú Lý    |         |
|       | Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý (CP Bt GPMB, CBĐT...)                                | Xã Phú Lý         | 2022-2024           | 9575, 30/11/2022       | 5.961                    |                                   | 4.338            | 2.000             | UBND xã Phú Lý    |         |
|       | Đường số N7 liên ấp 1-3 (GDI), xã Phú Lý (CP Bt GPMB, CBĐT...)                              | Xã Phú Lý         | 2022-2024           | 9711, 13/12/2022       | 25.484                   |                                   | 15.075           | 3.000             | UBND xã Phú Lý    |         |
|       | Đường nhánh tổ 10, ấp 2, xã Hiếu Liêm                                                       | Xã Hiếu Liêm      | 2023-2025           | 9302, 17/11/2022       | 625                      |                                   | 283              | 283               | UBND xã Hiếu Liêm |         |
|       | Đường nội đồng Giáo Tùng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi;                                        | Xã Bình Lợi       | 2023-2025           | 9706, 13/12/2022       | 4.286                    |                                   | 1.827            | 1.827             | UBND xã Bình Lợi  |         |
|       | Đường hẻm 12-14, ấp Bình Ý                                                                  | Xã Tân Bình       | 2023-2025           | 9496, 28/11/2022       | 1.185                    |                                   | 529              | 529               | UBND xã Tân Bình  |         |
|       | Đường hẻm 21, đường sân banh ấp Bình Ý                                                      | Xã Tân Bình       | 2023-2025           | 9494, 28/11/2022       | 913                      |                                   | 409              | 409               | UBND xã Tân Bình  |         |
|       | Đường hẻm 291, 169 ấp Bình Lục                                                              | Xã Tân Bình       | 2023-2025           | 9495, 28/11/2022       | 1.176                    |                                   | 524              | 524               | UBND xã Tân Bình  |         |
|       | Đường số 8, ấp 1, xã Mã Đà                                                                  | Xã Mã Đà          | 2023-2025           | 9298, 17/11/2022       | 2.387                    |                                   | 1.058            | 1.058             | UBND xã Mã Đà     |         |
|       | Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà                                                                  | Xã Mã Đà          | 2023-2025           | 9300, 17/11/2022       | 913                      |                                   | 407              | 407               | UBND xã Mã Đà     |         |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                                                     | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án |                          | Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2022 | Nhu cầu vốn 2023 | Kế hoạch năm 2023 | Chủ đầu tư        | Ghi chú |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------|-------------------|---------|
|       |                                                                                                           |                   |                     | Số, ngày, tháng, năm   | Tổng mức đầu tư kế hoạch |                                   |                  |                   |                   |         |
|       | Đường số 11 giai đoạn 2, ấp 1, xã Mã Đà                                                                   | Xã Mã Đà          | 2023-2025           | 9301, 17/11/2022       | 725                      |                                   | 327              | 327               | UBND xã Mã Đà     |         |
| 3     | <b>Chi lĩnh vực An ninh</b>                                                                               |                   |                     |                        |                          | -                                 | 11.724           | 8.931             |                   |         |
|       | Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Công an Xã Thiện Tân                                                            | Xã Thiện Tân      | 2023-2025           | 9501, 28/11/2022       | 3.960                    |                                   | 3.931            | 3.931             | Ban QLDA          |         |
|       | Xây dựng kho lưu trữ, hội trường (khoảng 200 chỗ ngồi) Công an huyện                                      | TT Vĩnh An        | 2023-2025           | 9707, 13/12/2022       | 8.546                    |                                   | 7.793            | 5.000             | Ban QLDA          |         |
| 4     | <b>Chi lĩnh vực Quốc phòng</b>                                                                            |                   |                     |                        |                          | -                                 | 4.215            | 4.215             |                   |         |
|       | Sửa chữa trụ sở làm việc và nhà làm việc quán sự xã Hiếu Liêm                                             | Xã Hiếu Liêm      | 2023-2025           | 9299, 17/11/2022       | 3.104                    |                                   | 2.956            | 2.956             | Ban QLDA          |         |
|       | Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý                                                    | Xã Phú Lý         | 2023-2025           | 9500, 28/11/2022       | 1.259                    |                                   | 1.259            | 1.259             | Ban QLDA          |         |
| 5     | <b>Chi lĩnh vực môi trường</b>                                                                            |                   |                     |                        |                          | -                                 | 6.869            | 6.869             |                   |         |
|       | Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Phú Lý                                                         | Xã Phú Lý         | 2023-2025           | 9704, 13/12/2022       | 1.795                    |                                   | 1.795            | 1.795             | UBND xã Phú Lý    |         |
|       | Xây dựng 02 trạm trung chuyển rác thải tại xã Hiếu Liêm;                                                  | Xã Hiếu Liêm      | 2023-2025           | 9297, 17/11/2022       | 2.298                    |                                   | 2.106            | 2.106             | UBND xã Hiếu Liêm |         |
|       | Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Thạnh Phú                                                      | Xã Thạnh Phú      | 2023-2025           | 9491, 28/11/2022       | 1.979                    |                                   | 1.926            | 1.926             | UBND xã Thạnh Phú |         |
|       | Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Mã Đà                                                          | Xã Mã Đà          | 2023-2025           | 9705, 13/12/2022       | 1.137                    |                                   | 1.042            | 1.042             | UBND xã Mã Đà     |         |
| 6     | <b>Chi lĩnh vực tài chính và khác</b>                                                                     |                   |                     |                        |                          | -                                 | 7.000            | 7.000             |                   |         |
|       | Ủy thác sang NHCSXH                                                                                       | Huyện Vĩnh Cửu    | 2023                | 8664, 07/10/2022       | 6.000                    |                                   | 6.000            | 6.000             | NHCSXH            |         |
|       | Quỹ hỗ trợ nông dân                                                                                       | Huyện Vĩnh Cửu    | 2023                |                        | 1.000                    |                                   | 1.000            | 1.000             | Hội Nông dân      |         |
| III   | <b>Dự án chuẩn bị đầu tư</b>                                                                              |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | 450               |                   |         |
| 1     | <b>Chi lĩnh vực Đảm bảo xã hội</b>                                                                        |                   |                     |                        |                          | -                                 | -                | 200               |                   |         |
|       | Cải tạo Núi đá công viên, sửa chữa Nhà quán trang Nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu (CP chuẩn bị đầu tư) | Xã Thiện Tân      | 2023-2025           | 3280, 29/07/2022       | 8.224                    |                                   | -                | 200               | Ban QLDA          |         |
| 2     | <b>Chi lĩnh vực môi trường</b>                                                                            |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | 50                |                   |         |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                        | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án      |                          | Lũy kế vốn đã giao đến 31/12/2022 | Nhu cầu vốn 2023 | Kế hoạch năm 2023 | Chủ đầu tư     | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------|----------------|---------|
|       |                                                                              |                   |                     | Số, ngày, tháng, năm        | Tổng mức đầu tư kế hoạch |                                   |                  |                   |                |         |
|       | Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Tân An                            | Xã Tân An         | 2023-2025           | 3280, 29/07/2022            |                          |                                   |                  | 50                | UBND xã Tân An |         |
| 3     | Chi lĩnh vực Quốc phòng                                                      |                   |                     |                             |                          | -                                 | -                | 200               |                |         |
|       | Xây dựng nhà trực ban nội vụ, nhà tiếp công dân Ban CHQS huyện               | TT Vĩnh An        | 2023-2025           |                             | 3.393                    |                                   | -                | 200               | Ban QLDA       |         |
| IV    | Dự án dự kiến chuẩn bị ĐT, KCM (chưa phân bổ)                                |                   |                     |                             |                          |                                   |                  | 71.468            |                |         |
| B     | NGUỒN VỐN XỐ SỐ KIẾN THIẾT                                                   |                   |                     |                             |                          |                                   |                  | 81.055            |                |         |
| B.1   | Nguồn vốn Xố số kiến thiết                                                   |                   |                     |                             |                          | 55.141                            | 34.964           | 61.055            |                |         |
| I     | Dự án chuyển tiếp                                                            |                   |                     |                             |                          | 55.141                            | 20.113           | 20.113            |                |         |
| 1     | Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                             |                   |                     |                             |                          | 54.000                            | 18.601           | 18.601            |                |         |
|       | Xây dựng trường mầm non Bình Hòa (giai đoạn 2)                               | Xã Bình Hòa       | 2021-2023           | 13171 ngày 30/12/2021       | 11.964                   | 5.000                             | 6.112            | 6.112             | Ban QLDA       |         |
|       | Mở rộng trường mầm non Hòa Mi                                                | Xã Thạnh Phú      | 2021-2023           | 13172 ngày 30/12/2021       | 13.555                   | 6.000                             | 7.421            | 7.421             | Ban QLDA       |         |
|       | Cải Tạo sửa chữa Trường Mầm non Tân An                                       | Xã Tân An         | 2022-2024           | 2690, ngày 28/06/2022       | 3.275                    | 2.000                             | 972              | 972               | Ban QLDA       |         |
|       | Cải tạo sửa chữa Trường THCS Thiện Tân                                       | Xã Thiện Tân      | 2021-2023           | 2228, ngày 01/6/2022        | 4.033                    | 3.000                             | 841              | 841               | Ban QLDA       |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Tân Triều                                  | Xã Tân Bình       | 2023-2025           | 9368, 18/11/2022            | 12.077                   | 10.000                            | 959              | 959               | Ban QLDA       |         |
|       | Xây mới Trường Tiểu học Cây Gáo B (Cơ sở 2)                                  | TT Vĩnh An        | 2023-2025           | 9367, 18/11/2022            | 33.298                   | 28.000                            | 2.296            | 2.296             | Ban QLDA       |         |
| 2     | Chi lĩnh vực VH-TT                                                           |                   |                     |                             |                          | 1.141                             | 1.512            | 1.512             |                |         |
|       | Làm mới, lắp đặt đèn Led phục vụ Tết Nguyên đán và các ngày Lễ lớn trong năm | Địa bàn huyện     | 2022-2024           | 8565/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 | 2.786                    | 1.141                             | 1.512            | 1.512             | phòng VH-TT    |         |
| II    | Dự án khởi công mới                                                          |                   |                     |                             |                          | -                                 | 12.845           | 12.845            |                |         |
|       | Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                             |                   |                     |                             |                          | -                                 | 12.845           | 12.845            |                |         |
|       | Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Thiện Tân (cơ sở 2);                       | Xã Thiện Tân      | 2023-2025           | 9504, 28/11/2022            | 1.746                    |                                   | 1.600            | 1.600             | Ban QLDA       |         |
|       | Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Tân An;                                   | Xã Tân An         | 2023-2025           | 9503, 28/11/2022            | 12.113                   |                                   | 11.245           | 11.245            | Ban QLDA       |         |



| Số TT | Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện                                         | Địa điểm xây dựng | Thời gian thực hiện | Quyết định duyệt dự án |                          | Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022 | Nhu cầu vốn 2023 | Kế hoạch năm 2023 | Chủ đầu tư  | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------|-------------|---------|
|       |                                                                               |                   |                     | Số, ngày, tháng, năm   | Tổng mức đầu tư kế hoạch |                                   |                  |                   |             |         |
| III   | Dự án chuẩn bị đầu tư                                                         |                   |                     |                        |                          | -                                 | 2.006            | 200               |             |         |
|       | Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo                                              |                   |                     |                        |                          | -                                 | 2.006            | 200               |             |         |
|       | Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo Stem trong trường học khối Mầm non; | Địa bàn huyện     | 2023-2025           |                        | 2.098                    |                                   | 2.006            | 200               | Phòng GD-ĐT |         |
| IV    | Dự án dự kiến chuẩn bị ĐT, KCM (chưa phân bổ)                                 |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | 27.897            |             |         |
| B.2   | HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU NGUỒN XSKT                                                 |                   |                     |                        |                          |                                   | 30.000           | 20.000            |             |         |
|       | Chi lĩnh vực kinh tế                                                          |                   |                     |                        |                          |                                   | 30.000           | 20.000            |             |         |
|       | Chi lĩnh vực giao thông                                                       |                   |                     |                        |                          |                                   | 30.000           | 20.000            |             |         |
|       | Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân                                                    | Xã Thiện Tân      | 2021-2023           | 12709, 28/12/2021      | 73.783                   |                                   | 30.000           | 20.000            | Ban QLDA    |         |
| C     | NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Nguồn kết dư)                                     |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | 115.200           |             |         |
|       | Chi lĩnh vực kinh tế                                                          |                   |                     |                        |                          |                                   | 35.307           | 10.000            |             |         |
|       | Chi lĩnh vực giao thông                                                       |                   |                     |                        |                          |                                   | 35.307           | 10.000            |             |         |
|       | Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân                                                    | Xã Thiện Tân      | 2021-2023           | 12709, 28/12/2021      | 73.783                   |                                   | 35.307           | 10.000            | Ban QLDA    |         |
| II    | Dự án dự kiến chuẩn bị ĐT, KCM (chưa phân bổ)                                 |                   |                     |                        |                          |                                   |                  | 105.200           |             |         |